

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 654/TCGDNN-VP

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2022

V/v tiếp tục thực hiện cập nhật, khai thác dữ liệu
phần mềm cơ sở dữ liệu GDNN, trang văn bằng
và ứng dụng chọn nghề

Kính gửi:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố;
- Các trường cao đẳng, trung cấp.

Trong những năm qua, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã triển khai một số phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý, tuyển sinh, cụ thể: (1) Ứng dụng Chọn nghề trên thiết bị di động; (2) Trang thông tin tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn>; (3) Phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; (4) Phần mềm dịch vụ công trực tuyến giáo dục nghề nghiệp; (5) Trang thông tin tra cứu văn bằng giáo dục nghề nghiệp <https://vanbang.gdnn.gov.vn>.

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã nhiều lần có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về việc cập nhật và thường xuyên cập nhật bổ sung dữ liệu khi có phát sinh, thay đổi. Tuy nhiên đến nay còn nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa nghiêm túc triển khai thực hiện, cập nhật dữ liệu chưa đầy đủ, đặc biệt là đối với việc thay đổi thông tin đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thông tin tuyển sinh, thông tin về cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp (Thực trạng cập nhật thông tin đến ngày 08/4/2022 theo phụ lục kèm theo).

Tiếp theo Công văn số 204/TCGDNN-VP ngày 14/02/2022 về việc khai thác phần mềm dịch vụ công trực tuyến và phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, để triển khai có hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho quá trình quản lý, điều hành, tuyển sinh, tạo lập cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đề nghị:

1. Đối với các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn triển khai cập nhật dữ liệu vào các phần mềm ứng dụng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo nội dung Công văn số 204/TCGDNN-VP ngày 14/02/2022;

- Rà soát dữ liệu đã được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cập nhật vào hệ thống, kịp thời phát hiện các thông tin sai sót, chưa chính xác, yêu cầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sửa đổi, bổ sung đúng quy định; đồng thời báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để có biện pháp xử lý phù hợp;

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được sáp nhập, giải thể: Đề nghị quý Sở gửi thông báo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để thực hiện việc xóa thông tin, dữ liệu trên hệ thống;

2. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Khẩn trương hoàn thành việc cập nhật dữ liệu và tiếp tục bổ sung dữ liệu mới vào cơ sở dữ liệu các phần mềm ứng dụng của Tổng cục.

Trong quá trình triển khai có vướng mắc liên hệ: cán bộ đầu mối Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: (Ông) Dương Thành Trung (Di động/Zalo) 0912.252.313./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục;
- Lưu: VT, TT-TT.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Phạm Vũ Quốc Bình

Phụ lục
THỰC TRẠNG CẬP NHẬT THÔNG TIN ĐẾN NGÀY 08/4/2022

STT	Tỉnh/Đơn vị	Trường CĐ		Trường TC		Tổng số tài khoản được cấp (CĐ&TC)	Tổng số sử dụng	Tổng số tài khoản được cấp chưa sử dụng	Mức độ hoàn thành/Tỷ lệ sử dụng
		Số trường CĐ đã nhập liệu (đã nhận và đang sử dụng tài khoản)	Trong đó: đã hoàn thành cập nhật thông tin chung	Số trường TC đã nhập liệu (đã nhận và đang sử dụng tài khoản)	Trong đó: đã hoàn thành cập nhật thông tin chung				
1	Hà Nội	36	9	25	4	61	13	48	21,31%
2	Vĩnh Phúc	5	5	1	1	6	6	-	100,00%
3	Bắc Ninh	13	4	17	1	30	5	25	16,67%
4	Quảng Ninh	4	-			4	-	4	-
5	Hải Dương	4	2			4	2	2	50,00%
6	Hải Phòng	10	2	2	1	12	3	9	25,00%
7	Hung Yên	10	-	7	-	17	-	17	-
8	Thái Bình	1	-			1	-	1	-
9	Hà Nam	5	-	6	-	11	-	11	-
10	Nam Định	6	1	4	-	10	1	9	10,00%
11	Ninh Bình	4	1	3	-	7	1	6	14,29%
12	Hà Giang	1	1	1	1	2	2	-	100,00%
13	Cao Bằng	1	-	1	-	2	-	2	-
14	Bắc Kạn	1	-			1	-	1	-
15	Tuyên Quang	2	-			2	-	2	-
16	Lào Cai	1	-	1	-	2	-	2	-
17	Yên Bái	4	2	3	3	7	5	2	71,43%
18	Thái Nguyên	4	1			4	1	3	25,00%
19	Lạng Sơn	1	-			1	-	1	-
20	Bắc Giang	3	-	7	-	10	-	10	-
21	Phú Thọ	2	1	2	1	4	2	2	50,00%
22	Điện Biên					-	-	-	-
23	Lai Châu					-	-	-	-
24	Sơn La	2	1	1	1	3	2	1	66,67%
25	Hòa Bình	5	2	4	1	9	3	6	33,33%
26	Thanh Hóa	5	-	3	-	8	-	8	-
27	Nghệ An	9	-	14	-	23	-	23	-
28	Hà Tĩnh	4	1	3	-	7	1	6	14,29%
29	Quảng Bình	4	2	4	-	8	2	6	25,00%
30	Quảng Trị	1	-	1	-	2	-	2	-
31	Thừa Thiên Huế	2	1			2	1	1	50,00%
32	Đà Nẵng	13	1	2	-	15	1	14	6,67%
33	Quảng Nam	7	1	4	-	11	1	10	9,09%

STT	Tỉnh/Đơn vị	Trường CD		Trường TC		Tổng số tài khoản được cấp (CD&TC)	Tổng số sử dụng	Tổng số tài khoản được cấp chưa sử dụng	Mức độ hoàn thành/Tỷ lệ sử dụng
		Số trường CD đã nhập liệu (đã nhận và đang sử dụng tài khoản)	Trong đó: đã hoàn thành cập nhật thông tin chung	Số trường TC đã nhập liệu (đã nhận và đang sử dụng tài khoản)	Trong đó: đã hoàn thành cập nhật thông tin chung				
34	Quảng Ngãi	2	-			2	-	2	-
35	Bình Định	3	-			3	-	3	-
36	Phú Yên	3	1			3	1	2	33,33%
37	Khánh Hòa	3	1	7	1	10	2	8	20,00%
38	Ninh Thuận			1	1	1	1	-	100,00%
39	Bình Thuận	3	-	2	-	5	-	5	-
40	Kon Tum	1	1			1	1	-	100,00%
41	Gia Lai	2	-			2	-	2	-
42	Đắk Lắk	5	-	4	-	9	-	9	-
43	Đắk Nông					-	-	-	-
44	Lâm Đồng	4	-	2	1	6	1	5	16,67%
45	Bình Phước	3	-	2	-	5	-	5	-
46	Tây Ninh			1	-	1	-	1	-
47	Bình Dương	7	1	10	-	17	1	16	5,88%
48	Đồng Nai	10	1	6	-	16	1	15	6,25%
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	6	2	6	-	12	2	10	16,67%
50	Hồ Chí Minh	23	3	22	2	45	5	40	11,11%
51	Long An	3	1	6	2	9	3	6	33,33%
52	Tiền Giang	3	1	3	-	6	1	5	16,67%
53	Bến Tre	2	2	2	-	4	2	2	50,00%
54	Trà Vinh					-	-	-	-
55	Vĩnh Long	3	-			3	-	3	-
56	Đồng Tháp	1	-			1	-	1	-
57	An Giang	2	-	4	1	6	1	5	16,67%
58	Kiên Giang	3	2	6		9	2	7	22,22%
59	Cần Thơ	13	-	8	-	21	-	21	-
60	Hậu Giang	2	1			2	1	1	50,00%
61	Sóc Trăng					-	-	-	-
62	Bạc Liêu					-	-	-	-
63	Cà Mau	3	1			3	1	2	33,33%
	Tổng Cộng	280	56	208	22	488	78	410	15,98%